

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

Đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên (dưới đây được gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900243950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 03/8/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/6/2017.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường Hải Thượng Lãn Ông, thôn Xích Đằng, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban lãnh đạo đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2021 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Quang Hạnh	Chủ tịch Công ty
Ông Nguyễn Anh Tú	Giám đốc
Ông Bùi Văn Sao	Phó Giám đốc
Ông Luyện Duy Lộc	Phó Giám đốc
Ông Lê Trọng Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩ	Kế toán trưởng
Bà Đặng Thị Việt Hà	Kiểm soát viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Anh Tú – Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá DTA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2021 của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ✓ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các đánh giá và dự toán hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ✓ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- ✓ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Số: 31/QĐ-CTy

Hưng Yên, ngày 08 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo tài chính năm 2021
Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi tỉnh Hưng Yên

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KTCT THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/ND-CP ngày 21/12/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề án tổ chức lại và Điều lệ tổ chức, hoạt động sửa đổi của Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá DTA lập ngày 29/3/2022;

Xét Tờ trình số 08A /TTr-Cty ngày 29 tháng 3 năm 2022 Giám đốc Công ty và Báo cáo số 69/BC-KSV ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Kiểm soát viên về việc Báo cáo kiểm soát năm 2021 tại Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi tỉnh Hưng Yên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi tỉnh Hưng Yên với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Tổng doanh thu: 157.323.322.611, đồng.
- Doanh thu chính hoạt động kinh doanh là: 156.102.340.261, đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính là: 891.712.710, đồng.
- Thu khác là: 329.269.640, đồng.

2. Tổng chi phí: 156.873.322.611, đồng.

- Chi cho hoạt động chính phục vụ SXKD là: 156.591.647.554, đồng.

- Chi khác là: 281.675.057, đồng.

3. Lợi nhuận trước thuế là: 450.000.000, đồng.

4. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là: 63.000.000, đồng.

5. Lợi nhuận sau thuế TNDN là: 387.000.000, đồng.

(Các nội dung, chỉ tiêu đã được trình bày trong báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán có đính kèm).

Điều 2: Căn cứ vào quy định tài chính hiện hành và Điều 1 quyết định này, Giám đốc Công ty trích lập, trình phê duyệt phần lợi nhuận còn lại vào các quỹ sử dụng đúng mục đích, theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3: Ông Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, phòng Tài chính- Kế toán và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /*tp*

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh Hưng Yên (để b/c);
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch & ĐT;
- Cục Thống kê;
- Cục thuế tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**CÔNG TY TNHH MTV KTCT
THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN**



CHỦ TỊCH

Bùi Quang Hạnh



DTA Audit

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ DTA

DTA Valuation And Auditing Company Limited

Văn phòng Công ty: 186 phố Nguyễn Cảnh Dị, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 62 537 801 * Fax: (84-24) 35 666 381 * Website: dtaaudit.com.vn

Số: 220328/BCKT-DTA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình

Thủy lợi tỉnh Hưng Yên

Kính gửi:

BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên (sau đây được viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/3/2021, từ trang 6 đến trang 29 gồm:

3 cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chi nhánh Hà Nội:

Số 63, ngõ 90, tổ 18 phố Đại Linh,
P. Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
Điện thoại / Fax: 024 85 888 299

Văn phòng đại diện miền Trung:

Lô số 4 khu công viên Hội An,
Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa
Điện thoại / Fax: 023 73 757 757

Văn phòng đại diện Tây Bắc:

Đường Bản Cọ, phường Chiềng An,
Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Điện thoại / Fax: 021 23 857 819

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định tại ngày 31/12/2021.
- Chi phí khấu hao đang được đơn vị trích theo tỷ lệ ước tính mà chưa thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định; Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

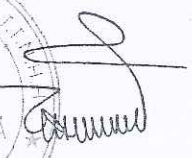
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên** tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ DTA

Tổng Giám đốc

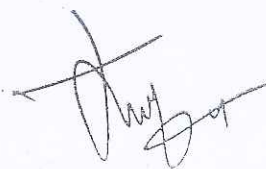



Nguyễn Thị Thanh Huế

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0756-2020-249-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Tuyết

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3753-2021-249-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.849.725.011	62.881.472.694
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.393.629.919	32.447.945.254
1. Tiền	111		25.393.629.919	5.017.698.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	27.430.246.575
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.505.573.827	25.417.892.377
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.166.109.469	6.324.561.969
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.144.852.903	1.653.788.052
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	16.730.250.118	17.063.857.209
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		464.361.337	375.685.147
IV. Hàng tồn kho	140		3.240.294.672	3.151.996.579
1. Hàng tồn kho	141	V.4	3.240.294.672	3.151.996.579
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.710.226.593	1.863.638.484
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	1.658.546.359	1.861.861.484
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		51.680.234	1.777.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.569.709.183.125	1.548.870.774.089
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.486.886.852.148	1.380.800.474.294
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.482.554.852.148	1.376.468.474.294
- Nguyên giá	222		1.642.056.400.993	1.528.179.508.246
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(159.501.548.845)	(151.711.033.952)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	4.332.000.000	4.332.000.000
- Nguyên giá	228		4.332.000.000	4.332.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	82.822.330.977	168.070.299.795
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		82.822.330.977	168.070.299.795
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.641.558.908.136	1.611.752.246.783

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.188.336.946	41.778.521.414
I. Nợ ngắn hạn	310		48.188.336.946	41.778.521.414
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	37.858.580.633	30.425.387.082
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	58.548.746	22.665.923
4. Phải trả người lao động	314		6.193.793.082	6.056.250.078
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		136.634.734	108.770.180
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	3.804.865.535	4.571.049.310
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		135.914.216	594.398.841
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.593.370.571.190	1.569.973.725.369
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	1.523.866.158.761	1.509.814.948.752
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.231.457.992.995	1.135.147.719.126
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		830.202.715	481.140.340
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		443.202.715	420.253.173
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		387.000.000	60.887.167
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		291.577.963.051	374.186.089.286
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		69.504.412.429	60.158.776.617
1. Nguồn kinh phí	431		29.647.845.087	21.651.756.053
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		39.856.567.342	38.507.020.564
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.641.558.908.136	1.611.752.246.783

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Xuân

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Ví

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2022



Giám đốc

Nguyễn Anh Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	156.102.340.261	157.947.648.501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		156.102.340.261	157.947.648.501
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	127.819.103.157	130.395.909.885
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.283.237.104	27.551.738.616
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	891.712.710	1.230.162.124
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	28.772.544.397	28.354.002.604
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		402.405.417	427.898.136
11. Thu nhập khác	31	VI.5	329.269.640	1.670.540.749
12. Chi phí khác	32	VI.6	281.675.057	1.437.551.718
13. Lợi nhuận khác	40		47.594.583	232.989.031
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		450.000.000	660.887.167
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	63.000.000	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		387.000.000	660.887.167

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Xuân

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Vĩ

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2022



Giám đốc

Nguyễn Anh Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	9.573.785.067	7.497.653.998
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(99.421.300.296)	(84.664.637.578)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(61.989.029.706)	(59.943.708.779)
4	Tiền lãi vay đã trả	04	(108.770.180)	(59.018.160)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(167.679.043)	-
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	298.890.103.722	288.601.303.754
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(136.733.274.599)	(138.211.932.992)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.043.834.965	13.219.660.243
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.098.150.300)	(280.729.000)
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(268.365.288.085)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	268.430.822.745
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.098.150.300)	(215.194.340)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.945.684.665	13.004.465.903
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.447.945.254	19.443.479.351
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	40.393.629.919	32.447.945.254

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Xuân

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Ví



Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Giám đốc

Nguyễn Anh Tú

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên (dưới đây được gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900243950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 03/8/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/6/2017.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường Hải Thượng Lãn Ông, thôn Xích Đằng, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

2. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi nhằm đáp ứng yêu cầu tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông thủy lợi, dân sinh và các ngành kinh tế khác của tỉnh;
- Lập dự án và khảo sát thiết kế kỹ thuật, dự toán nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ thuộc nguồn vốn do công ty quản lý và nguồn vốn được nhà nước phân cấp;
- Làm chủ đầu tư trong việc duy tu, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới công trình thủy lợi, duy trì và phát triển năng lực công trình bằng nguồn vốn của công ty quản lý và các nguồn vốn khác được phân cấp;
- Quan trắc, theo dõi, thu thập các số liệu theo quy trình; nghiên cứu các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
- Lập dự án, khảo sát, thiết kế, quản lý, điều hành dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công các công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, làm mới các công trình thủy lợi, thoát nước và hạ tầng kỹ thuật vừa và nhỏ.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty gồm 09 xí nghiệp và 01 văn phòng. Danh sách các đơn vị trực thuộc gồm:

Xí nghiệp KTCT thủy lợi Thành phố Hưng Yên;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi Châu Giang;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Văn Lâm;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi thị xã Mỹ Hào;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Yên Mỹ;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Ân Thi;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Kim Động;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Tiên Lữ;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Phù Cù.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Công ty được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a/ Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b/ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c/ Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (chỉ áp dụng cho báo cáo riêng).

d/ Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

e/ Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

f/ Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

3. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá gốc.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

a) TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

7. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước; Việc ghi nhận chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

8. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước tiền mua tuy nhiên Công ty chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các thành viên.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng	25.393.629.919	5.017.698.679
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	27.430.246.575
<i>Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>27.430.246.575</i>
Tổng	40.393.629.919	32.447.945.254

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Các khoản phải thu khách hàng**2.1) Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu các hợp tác xã, doanh nghiệp nợ thủy lợi phí, thu tiêu thoát nước công nghiệp, khác	6.166.109.469	6.324.561.969
Tổng	6.166.109.469	6.324.561.969

3. Phải thu khác**3.1) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NSNN về thủy lợi phí cấp bù	14.960.479.060	15.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	114.589.041	68.553.425
Phải thu nguồn XDCB	825.364.000	-
Công ty TNHH thương mại và xây dựng Hồng Hà	50.377.000	-
UBND huyện Châu Giang	149.000.000	-
Khác	630.441.017	1.995.303.784
Tổng	16.730.250.118	17.063.857.209

4. Hàng tồn kho

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.669.664.901	2.638.623.521
Công cụ, dụng cụ	570.629.771	513.373.058
Tổng	3.240.294.672	3.151.996.579

5. Chi phí trả trước**5.1) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ	1.658.546.359	1.861.861.484
Tổng	1.658.546.359	1.861.861.484

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Giá trị
Nguyên giá TSCĐ	
Số dư đầu kỳ	1.528.179.508.246
Số tăng trong kỳ	377.001.332.153
- Mua trong năm	1.890.265.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	112.054.581.363
- Tăng khác (Luân chuyển nội bộ, ...)	263.056.485.790
Số giảm trong kỳ	263.124.439.406
- Thanh lý, nhượng bán	80.788.265
- Giảm khác (Luân chuyển nội bộ, ...)	263.043.651.141
Số dư cuối kỳ	1.642.056.400.993
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	151.711.033.952
Số tăng trong kỳ	9.118.436.183
Số giảm trong kỳ	1.327.921.290
Số dư cuối kỳ	159.501.548.845
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	1.376.468.474.294
Tại ngày cuối kỳ	1.482.554.852.148

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Giá trị
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	4.332.000.000	4.332.000.000
Số dư cuối kỳ	4.332.000.000	4.332.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	4.332.000.000	4.332.000.000
Tại ngày cuối kỳ	4.332.000.000	4.332.000.000

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tài sản dở dang dài hạn**8.2) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
XD TB Vinh Quang huyện Mỹ Hào	-	38.128.312.674
Nạo vét sông Đồng Quê - Cửu An	319.137.200	32.146.060.200
Trạm bơm Hưng Long	1.437.466.000	19.315.534.000
Cống Từ Hồ tại Km 12+ 600	-	13.311.704.569
Trạm bơm Văn Giang A cũ	5.874.111.900	8.149.233.300
Trạm bơm Tiên Kiều	8.022.318.000	7.074.571.000
Cải tạo cống Ngô Xuyên	11.912.299.000	5.951.408.000
Trạm bơm Cầu Gáy	425.000.000	425.000.000
Trạm bơm Tam Đô	1.591.914.997	1.591.914.997
Trạm bơm không ống cột nước thấp trên kênh tiêu trạm bơm Chợ Thi	1.710.000	6.837.322.000
Cải tạo nâng cấp nhà quản lý TB Thọ Hội (CP thăm	22.549.000	22.549.000
Công trình cống Tam Đô	24.990.630	24.990.630
Phí thăm định giá TB không ống Phú Hữu	8.800.000	8.800.000
Xây dựng trạm bơm không ống, cột nước loại thấp HĐ-	389.809.005	389.809.005
Cải tạo nạo vét hệ thống kênh tưới tiêu ngoài bãi thuộc	108.899.000	108.899.000
Cụm máy bơm không ống cột nước thấp trên kênh tiêu	450.000.000	868.263.000
Chi phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong công	402.243.620	402.243.620
tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do		
Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình		
thủy lợi tỉnh quản lý (đã hạch toán tại tháng 7/2020)		
Cụm công trình đầu mối TB tiêu Bảo Khê thuộc dự án	513.452.000	513.452.000
thoát nước TP Hưng Yên (HM: Hồ điều hòa)		
Cụm công trình đầu mối TB tiêu Bảo Khê thuộc dự án	295.095.900	295.095.900
thoát nước TP. Hưng Yên (HM: Giải phóng mặt bằng)		
Kè mái sông Hòa Bình đoạn qua TP Hưng Yên	17.777.094.800	14.014.010.500
Nạo vét một số công trình thủy lợi phục vụ tiêu thoát	784.276.000	784.276.000
nước trên địa bàn thành phố Hưng Yên		
Nạo vét một số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất	738.217.000	738.217.000
nông nghiệp và tiêu thoát nước dân sinh, đô thị trên địa		
bàn thành phố Hưng Yên		
Xây dựng cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Chợ Gạo, TP	22.376.449.800	16.340.801.800
Hưng Yên		
Nạo vét một số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất	929.117.000	-
nông nghiệp và tiêu thoát nước dân sinh, đô thị trên địa		
bàn thành phố		
Cải tạo, nâng cấp sông Tân An	3.226.538.000	-
Cải tạo, tu sửa cống ông Cối trên sông Đồng Lỗ - Tính	1.002.334.000	-
Linh, xã Trung Nghĩa		

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tu sửa, cải tạo nâng cấp và xây dựng tuyến kênh dẫn kết nối TB Cửa Gàn - TB An Vũ	2.057.633.000	-
Kiên cố hóa kênh dẫn TB An Vũ đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Tô Hiệu	1.236.108.000	-
Kiên cố hóa tuyến kênh Ông Diển - TB Hồng Nam	158.804.000	-
Nạo vét sông Điện Biên đoạn từ TB An Vũ đến cầu Xóm Đông	43.830.000	-
Khác	692.133.125	627.831.600
Tổng	82.822.330.977	168.070.299.795

9. Phải trả người bán**9.1) Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty điện lực Hưng Yên	4.090.998.870	3.176.577.014
Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Minh Mạng	108.346.000	2.584.989.000
Trung tâm tư vấn kỹ thuật đề điều thủy lợi	263.225.000	891.773.000
Dự án XDCB	3.345.061.509	3.931.721.509
Đối tượng khác (*)	30.050.949.254	19.840.326.559
Tổng	37.858.580.633	30.425.387.082

(*) Chi tiết khác tại ngày 31/12/2021

	31/12/2021 VND
Công ty cổ phần thẩm định ASIAN	7.040.000
Đỗ Hồng Thúy	123.933.300
Bùi Thị Thơ	61.760.500
Công ty CP tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Cadico	11.108.100
Công ty TNHH cơ điện thủy lợi Hưng yên	424.029.134
Công ty cơ khí điện Hải Dương (TNHH). DA	245.421.000
Công ty CP đầu tư xây dựng thương mại thắng lợi ĐDK	69.900.000
Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng Việt Nam CVINA	46.000.000
Công ty TNHH xây dựng và thương mại 68	62.500.000
Công ty CP ĐTXD & PT dịch vụ HTP.DA	20.450.000
Công ty TNHH thương mại và xây dựng Hồng Hà	906.281.000
Công ty TNHH Hồng Nhấn	228.144.700
Công ty cổ phần Xây dựng - thương mại và dịch vụ Kiến Hưng	1.571.470.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Long Hưng	1.275.570.000
Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Thịnh	84.829.000
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Thái Hưng	277.565.700

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2021
	VND
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Triệu Đức	31.800.000
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Trường Hải	24.329.000
Công ty TNHH MTV sản xuất và Thương mại Bảo Phúc	1.850.000
Công ty cơ khí điện Hải Dương (TNHH)	1.829.691.857
Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu	36.000.800
Cao Tiến Đạt	175.960
Công ty CP xây dựng đê kè thủy lợi Hưng Yên	80.000.000
Công ty TNHH xây dựng giao thông Đông Hưng	2.441.683.000
Công ty TNHH D.T.H	75.000.000
Cao Thị Long	8.700.000
Công ty CP thiết kế và xây dựng công trình Long Giang	210.709.000
Công ty TNHH Minh Phương	5.656.837.738
Công ty TNHH Nhật Quang	15.000.000
Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Phố Hiến	42.199.000
Công ty CP đầu tư Phúc Thịnh Phát Land	170.678.000
Công ty TNHH hệ thống điện và tự động hóa Việt Nam	4.500.000
Công ty TNHH C3A	443.070.636
Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Bình Dương	206.755.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ cơ khí Đăng Huy	13.420.000
Công ty TNHH tư vấn xây dựng Phố Hiến	43.830.000
Công ty cổ phần xây dựng 976	6.112.100
Công ty TNHH ĐTXD và TM Anh Thịnh	211.774.698
Công ty TNHH đầu tư XD & TM Anh Thịnh).DA	33.385.000
Công ty TNHH thương mại vận tải và dịch vụ tổng hợp Bình Minh	77.750.000
Công ty TNHH TM Vận tải Bình Minh.DA	426.252.000
Công ty cổ phần chế tạo bơm Hải Dương	79.549.914
Công ty TNHH XD & TM Hồng Hà.DA	214.641.400
Công ty CPXD TM & DV Kiến Hưng.DA	345.182.780
Công ty kiến trúc Lập Phương	15.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại 559 Thăng Long).DA	38.800.000
Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thành Phát Hưng Yên	534.298.000
Công ty TNHH Thành Trung	28.000.000
Công ty TNHH Thanh Tùng	41.462.000
Công ty TNHH một thành viên KTCT thủy lợi tỉnh Hưng Yên	28.689.000
Công ty TNHH Vạn Phúc	41.000.000
Chu Văn Chính	49.800
Điện lực TP Hưng Yên	63.582.326
Đỗ Mạnh Cường	2.589.600
Đào Ngọc Tuấn	3.530.000

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2021
	VND
Doanh nghiệp TN thi công cơ giới Thành Lợi	235.749.000
Doanh nghiệp TN xây dựng công trình thủy lợi Hưng Yên	31.000.000
Công ty cổ phần Điện Đại Phát	15.200.000
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Phong Sơn Hưng Yên	5.000.000
Đoàn Thị Mai Định	12.536.000
Đào Văn Chiêu	1.145.400
Đặng Văn Hòa	99.600
Dương Văn Hiệp	2.576.320
Đào Văn Khỏe	1.022.560
Đào Văn Quýnh	2.509.920
Đỗ Văn Thanh	14.432.000
Công ty TNHH Quốc tế Hòa Nam	1.179.529.000
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hoàng Anh	17.788.000
Hợp tác xã cơ điện Tam Giang	102.524.696
Hoàng Thị Xuyên	2.490.000
Hoàng Văn Mạnh	112.880
Công ty TNHH Cơ điện Thủy lợi - Hưng Yên	81.280.411
Công Ty TNHH Tư Vấn Và Xây Dựng Hưng Thịnh	205.539.000
Lê Văn Mãi	99.600
Lưu Văn Tiên	49.800
Lê Văn Xuân	514.600
Lê Xuân Táp	49.800
Lê Xuân Thành	49.800
Công ty TNHH TM & ĐT xây lắp điện Mạnh Hùng	680.000
Công ty TNHH Phương thảo	10.000.000
Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất Vật Liệu	50.000.000
Công ty TNHH vật liệu và XD Quốc Trung	440.432.002
Phạm Thị Thu Hường	9.840.000
Phải trả Nạo vét kênh mương	239.929
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hoàng Anh	3.012.000
Công ty tư vấn dịch vụ kỹ thuật RỒNG Xanh Hà Nội Công trình trạm bơm Trà Phương mới (VNS còn thanh toán)	7.132.000
Xây dựng trạm bơm Trà Phương mới phần đóng cắt điện (VNS còn thanh toán)	2.419.500
Công ty xây dựng Đê kè Hưng Yên xây lắp trạm bơm cống bún (VNS còn thanh toán)	16.088.500

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2021
	VND
Trung tâm nghiên cứu thủy nông cải tạo đất và CTN khảo sát TKTB cống bún (VNS còn phải trả)	55.583.000
Đền bù giải phóng mặt bằng (tiền đền bù GPMB trạm bơm Cống bún (VNS còn phải trả tiền đền bù)	1.649.575
Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu Bảo Khê - Kim Động xây kênh tưới chính trạm bơm Mão Xuyên (VNS còn phải thanh toán)	5.200.000
Trung tâm nghiên cứu cải tạo đất và cấp thoát nước khảo sát thiết kế phí xây kênh tưới chính TB Vũ Dương (VNS còn phải thanh toán)	2.938.568
Xí nghiệp xây dựng phương mai Tiên Lữ xây kênh tưới chính trạm bơm đa lộc (VNS còn phải thanh toán)	2.899.000
Trung tâm nghiên cứu thủy nông cải tạo đất và CTN thiết kế kênh đồ hạ (VNS còn thanh toán)	542.880
Chi phí phục vụ nạo vét sông Bún (VNS)	10.294.110
Trung tâm nghiên cứu thủy nông cải tạo đất và cấp thoát nước thiết kế kênh Mão Xuyên (VNS còn phải thanh toán)	3.169.288
Công ty TNHH tư vấn dịch vụ xây dựng Hải Dương khảo sát thiết kế công trình nạo vét sông Bún (VNS)	8.971.000
Công ty TNHH Hoàng Phúc	115.757.264
Ngô Đình Thoa	151.392
Nguyễn Hữu Khoa	10.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	132.800
Nguyễn Thành Long	3.516.000
Nguyễn Thị Thanh Huyền	3.793.000
Nguyễn Trọng Trăn	1.625.472
Nguyễn Thế Vinh	83.000
Nguyễn Văn Hậu	199.200
Nguyễn Văn Sáng	265.600
Nguyễn Văn Sinh	3.376.440
Nguyễn Văn Thành	709.152
Ngô Văn Thông	199.200
Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Hưng Yên	49.439.000
Phạm Thị Hồng Phương	830.000
Phạm Thị Lựu	830.000
Phạm Văn Nội	1.309.408
Phạm Văn Toàn	119.520
Phan Văn Thành	4.009.000
Phạm Văn Thừa	265.600
Phạm Xuân Vượt	49.800
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	6.221.766
Sở Tài Chính Tỉnh Hưng Yên	79.355.000
Công ty Cổ phần cơ điện thủy lợi Tâm Đắc	40.000.000
Trần Đình Chính	913.000

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2021
	VND
Trần Hùng Dịu	116.200
Công ty TNHH xây dựng và tư vấn công trình Thuận Thiên	1.332.492.000
Xí nghiệp đầu tư phát triển thủy lợi Gia Lâm	172.527.890
Trung tâm thương mại & dịch vụ kỹ thuật Hương Dung	6.711.840
Trần Thị Tuyền	4.200.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tuấn Thiện	181.410.000
Trần Văn Lanh	2.325.328
Vũ Lôi Phong	182.600
Võ Ngọc Dũng	1.704.000
Công ty TNHH Xây dựng và thương mại A&A	3.298.846.000
Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Cường Hiệp	1.772.753.000
Công ty TNHH Xây dựng 85 Hưng Yên	567.352.000
Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ Tiến Dũng	836.441.000
Vũ Thị Nguyệt	6.942.000
Nguồn vốn XD CB (các khoản khác)	18.660.000
Xí nghiệp KTCT Thủy lợi Văn Lâm	27.083.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Phú Quân	11.781.000
Tổng	30.050.949.254

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	58.548.746	18.865.923
Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.800.000
Tổng	58.548.746	22.665.923

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Phải trả khác**11.1) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	138.368.864	6.986.512
Bảo hiểm y tế	4.681.886	14.746.617
Bảo hiểm thất nghiệp	5.600.116	10.544.423
Nhận ký cược, ký quỹ	41.045.000	85.151.000
Quản lý dự án nguồn vốn thiên tai	120.148.724	357.307.729
Quản lý dự án nguồn kinh phí chống hạn 2018	972.019	972.019
Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh hưng yên	12.601.219	12.601.219
Quản lý dự án nguồn bổ sung vốn điều lệ đợt 2	213.457.050	-
Số tiền phải nộp trả đơn vị quyết toán	23.614.000	23.614.000
Điều chỉnh theo KTNN	2.512.318.507	-
Phụ phí đắp đê 05-06	10.814.558	-
Quản lý dự án	16.045.885	-
Nguồn vốn XDCB	244.123.609	-
Công đoàn Công ty TNHH một thành viên KTCT thủy lợi tỉnh Hưng Yên	267.064.890	-
Khác	194.009.208	4.059.125.791
Tổng	3.804.865.535	4.571.049.310

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Vốn chủ sở hữu**12.1) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.116.187.583.073	420.253.173	335.359.381.463	1.451.967.217.709
Tăng vốn trong năm	23.523.499.744	-	-	23.523.499.744
Tăng do XDCB	-	-	35.133.268.669	35.133.268.669
Lãi trong năm	-	660.887.167	-	660.887.167
Giảm vốn trong năm	(4.563.363.691)	-	-	(4.563.363.691)
Cấp vốn trong năm	-	-	19.651.882.000	19.651.882.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(600.000.000)	-	(600.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	-	(15.958.442.846)	(15.958.442.846)
Số dư đầu năm nay	1.135.147.719.126	481.140.340	374.186.089.286	1.509.814.948.752
Tăng vốn trong năm	100.887.662.285	-	-	100.887.662.285
Tăng do XDCB	-	-	22.955.622.751	22.955.622.751
Lãi trong năm	-	387.000.000	-	387.000.000
Giảm vốn trong năm	(4.577.388.416)	-	-	(4.577.388.416)
Cấp vốn trong năm	-	-	16.950.000.000	16.950.000.000
Kết chuyển nguồn	-	-	(122.513.748.986)	(122.513.748.986)
Giảm khác	-	(37.937.625)	-	(37.937.625)
Số dư cuối năm nay	1.231.457.992.995	830.202.715	291.577.963.051	1.523.866.158.761

12.2) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Vốn góp của nhà nước	1.231.457.992.995	1.135.147.719.126
Tổng	1.231.457.992.995	1.135.147.719.126

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	156.102.340.261	157.947.648.501
Tổng	156.102.340.261	157.947.648.501

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	127.819.103.157	130.395.909.885
Tổng	127.819.103.157	130.395.909.885

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	891.712.710	1.230.162.124
Tổng	891.712.710	1.230.162.124

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.772.544.397	28.354.002.604
Tổng	28.772.544.397	28.354.002.604

5. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	329.269.640	1.670.540.749
Tổng	329.269.640	1.670.540.749

6. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí khác	281.675.057	1.437.551.718
Tổng	281.675.057	1.437.551.718

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công ích và được Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi theo Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018. Theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và quy định tại khoản 2 điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng là thu nhập được miễn thuế TNDN.

Thuế TNDN từ các hoạt động khác:

Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	450.000.000
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	-
Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	450.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	90.000.000
Giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp theo nghị định số 92/2021/NĐ-CP	(27.000.000)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	63.000.000

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.585.621.347	1.296.783.063
Chi phí nhân công	28.141.391.901	27.331.870.903
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.976.062.742	11.174.841.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.123.307.905	1.420.055.290
Chi phí bằng tiền khác	3.820.458.365	4.628.343.587
Tổng	42.646.842.260	45.851.893.992

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2021 mà chưa được thuyết minh rõ tại báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá DTA.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

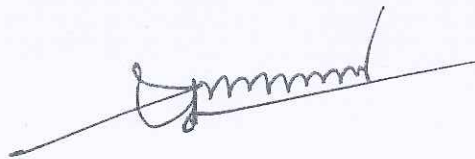
Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Xuân

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Vi



Giám đốc

Nguyễn Anh Tú